

** Người bị hại có kháng cáo:*

1. Bà Võ Thị S1, sinh năm 1971; trú tại: Khối Lam S, thị trấn Nam Đ, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

2. Bà Văn Thị Th3, sinh năm 1964; trú tại: Khối Lam S, thị trấn Nam Đ, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2015 đến năm 2017, do cần tiền để tiêu xài cá nhân, Hồ Thị Thu H đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn làm thủ tục xin việc vào quân đội, du học và xuất khẩu lao động tại Úc... Theo đó, lợi dụng sự nhẹ dạ cả tin của bà Võ Thị S1 và bà Văn Thị Th3, H đã liên tục chiếm đoạt tiền với tổng số tiền 617.000.000 đồng; trong đó chiếm đoạt của bà S1 557.000.000 đồng, của bà Văn Thị Th3 60.000.000 đồng.

Trong vụ án này, Cơ quan điều tra còn phát hiện Nguyễn Sông Th - Giám đốc Công ty cổ phần Du học quốc tế Nhật Minh Th4, thông qua thủ đoạn tương tự và lợi dụng Hồ Thị Thu H, Th đã lừa đảo chiếm đoạt của bà Võ Thị S1 số tiền 242.000.000 đồng vào thời gian năm 2016. Cụ thể như sau:

1.1. Hồ Thị Thu H dùng thủ đoạn xin việc làm, đi du học, đi xuất khẩu lao động tại Úc cho cháu Hoàng Thị Th5, để lừa đảo chiếm đoạt của bà Võ Thị S1 số tiền 210.000.000 đồng.

Biết được bà Võ Thị S1, sinh năm 1971; trú tại khối Lam S, thị trấn Nam Đ, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An có con là chị Hoàng Thị Th5, sinh năm 1997 mới tốt nghiệp trung học phổ thông chưa có việc làm, Hồ Thị Thu H đã nhận lời bà S1 để xin cho chị Th5 vào biên chế bộ đội, với giá 265.000.000 đồng. Ngày 29/12/2015, bà S1 đã đưa cho H số tiền đặt cọc 60.000.000 đồng, mặc dù không có khả năng nhưng H vẫn nhận tiền nhưng không thực hiện được, cũng không trả lại tiền cho bà S1.

Đến tháng 3/2016, H tiếp tục trao đổi với bà S1, không xin cho chị Th5 vào bộ đội nữa mà sẽ đưa chị Th5 đi xuất khẩu lao động tại Úc với tổng số tiền 500.000.000 đồng. Tin tưởng H, ngày 25/3/2016, bà S1 đã đưa cho H số tiền 66.000.000 đồng. H nhận tiền nhưng không có khả năng, cũng không làm bất cứ thủ tục nào mà sử dụng vào mục đích cá nhân.

Đến tháng 6/2016, do quen biết với một người đàn ông mang quốc tịch Úc, Hồ Thị Thu H nảy sinh ý định làm thủ tục cho chị Th5 đi du học Úc theo diện miễn phí, học bổng du học toàn phần và yêu cầu bà S1 chuẩn bị hồ sơ, đặt cọc số tiền 195.000.000 đồng. Do trước đây bà S1 đã đưa cho H một số khoản tiền nên cả hai thống nhất chuyển sang để đóng tiền cọc, trong đó có 66.000.000

đồng nhận ngày 25/3/2016 để làm thủ tục cho Hoàng Thị Th5 đi xuất khẩu lao động tại Úc; 66.000.000 đồng nhận ngày 06/6/2016 để làm thủ tục cho Hoàng Văn N, Hoàng Văn Đ1 đi xuất khẩu lao động tại Úc và 11.000.000 đồng nhận ngày 28/6/2016 để làm visa cho Phan Thanh Diện đi xuất khẩu lao động tại Úc. Số tiền còn lại 52.000.000 đồng, bà S1 đưa cho H ngày 11/11/2016. Mặc dù công việc không thực hiện được nhưng H không trả tiền và còn yêu cầu bà S1 chuyển tiếp tiền cho mình. Bà S1 đã 03 lần chuyển tiếp tiền cho H, vào tháng 6/2017 chuyển 15.000.000 đồng; ngày 22/8/2017 chuyển 8.000.000 đồng và ngày 30/11/2017 chuyển 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền Hồ Thị Thu H đã lấy của bà S1 để hứa xin việc, xin đi xuất khẩu lao động, xin đi du học Úc cho cháu Th5 là 210.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H đã chi tiêu cá nhân hết và không có khả năng trả.

1.2. Hồ Thị Thu H dùng thủ đoạn xin cho Hoàng Văn Đ1 vào Quân đội, Công ty xăng dầu, đi xuất khẩu lao động, làm nông trại nho ở Úc, để lừa đảo chiếm đoạt của bà Võ Thị S1 số tiền 263.000.000 đồng.

Trong thời gian tháng 01/2016, Hồ Thị Thu H đã nói với bà S1 việc Công ty Xăng dầu Petrolymex đang tuyển người vào làm, H sẽ giới thiệu cho anh Hoàng Văn Đ1, sinh năm 1992 vào làm biên chế ở đó, với số tiền 120.000.000 đồng. Bà S1 tin tưởng và ngày 29/01/2016 đã đưa cho H số tiền cọc 10.000.000 đồng. Đến ngày 26/3/2016, H yêu cầu và bà S1 đưa tiếp cho H số tiền 40.000.000 đồng; đồng thời, H cũng chuyển số tiền 5.000.000 đồng từ bà Nguyễn Thị Diễm đặt cọc để xin việc cho con để chuyển sang tiền của bà S1. Tổng số tiền H đã nhận của bà S1 để xin việc cho anh Đ1 là 55.000.000 đồng; H đã chi tiêu cá nhân hết 52.000.000 đồng, số tiền còn lại 3.000.000 đồng, H đóng cho Công ty tuyển dụng (hiện tại H không nhớ tên và địa chỉ Công ty ở đâu).

Do không xin được cho anh Đ1 vào Công ty xăng dầu, H tiếp tục lừa bà S1 đưa tiền để đưa anh Đ1 vào biên chế Quân đội, với tổng số tiền 250.00.000 đồng. Bà S1 đồng ý và ngày 24/3/2016 đã đưa cho H 60.000.000 đồng tiền đặt cọc. Tuy nhiên, H không thực hiện được, số tiền nhận của bà S1, H đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến đầu tháng 5/2016, H nói với bà S1 là có thể đưa người đi xuất khẩu lao động tại Úc với giá 25.000 USD/suất, tiền cọc ban đầu của mỗi suất là 3000 USD. Bà S1 đồng ý và đưa cho H 77.000.000 đồng để H đưa anh Đ1 và anh Phan Thanh D đi xuất khẩu lao động tại Úc. Hai bên cũng cam kết chuyển số tiền 55.000.000 đồng từ trước sang làm tiền cọc, tổng cộng hai khoản tiền là 132.000.000 đồng. Đến ngày 28/6/2016, bà S1 tiếp tục đưa cho H số tiền 11.000.000 đồng vì H yêu cầu để làm visa cho anh D, tuy nhiên sau đó, anh D nói với H không đi xuất khẩu lao động tại Đ1 nữa.

Sau nhiều lần hứa hẹn nhưng không được, khoảng tháng 12/2016, H nói

với bà S1 sẽ được anh Đ1 đi làm trang trại nho tại Úc với giá 250.000.000 đồng nhưng thực chất là kéo dài thời gian và chiếm đoạt thêm tiền. H yêu cầu bà S1 phải đóng thêm 100.000.000 đồng tiền cọc, hai bên thống nhất sẽ trừ 60.000.000 đồng tiền đặt cọc để đưa anh Đ1 vào biên chế Quân đội ngày 24/3/2016 nên ngày 28/02/2017, bà S1 đã đưa cho H số tiền 40.000.000 đồng. Đến ngày 08/8/2017 và ngày 11/8/2017, lấy lý do cho anh Đ1 học thêm tiếng Anh và để làm visa, Hồ Thị Thu H đã yêu cầu bà S1 chuyển thêm 11.000.000 đồng và 9.000.000 đồng.

Tổng số tiền Hồ Thị Thu H đã lấy của bà S1 để xin việc, xin đi xuất khẩu lao động, xin đi làm nông trại nho ở Úc cho anh Đ1 là 263.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền, H đã chi tiêu cá nhân hết.

1.3. Hồ Thị Thu H cùng với Nguyễn Sông Th dùng thủ đoạn đưa ông Hoàng Văn N đi xuất khẩu lao động tại Úc để chiếm đoạt tài sản của bà Võ Thị S1, trong đó Hồ Thị Thu H chiếm đoạt 84.000.000 đồng, Nguyễn Sông Th chiếm đoạt 242.000.000 đồng.

Công ty cổ phần Du học Quốc tế Nhật Minh Th4 có trụ sở tại thành phố Đà Nẵng do Nguyễn Sông Th thành lập, hoạt động trong lĩnh vực giới thiệu việc làm, tư vấn du học và tổ chức sự kiện... Mặc dù không có chức năng xuất khẩu lao động nhưng thông qua sự giới thiệu của Hồ Sỹ H2 cùng với Hồ Thị Thu H, Th đã hướng dẫn và nhận tiền của bà Võ Thị S1 để đưa ông Hoàng Văn N (chồng bà S1) đi xuất khẩu lao động tại Úc.

Ngày 26/4/2016, theo yêu cầu của Hồ Thị Thu H, bà S1 đã đưa cho H số tiền 66.000.000 đồng. Đến ngày 20/5/2016, Nguyễn Sông Th đi từ Đà Nẵng ra thành phố Vinh để gặp vợ chồng bà S1, Hồ Thị Thu H và Hồ Sỹ H2 để phổ biến một số nội dung liên quan đến hợp đồng và tiền cọc. Tối hôm đó, bà S1 đã đưa cho H số tiền 66.000.000 đồng. Hai người gộp tất cả số tiền đã nhận trước đây để lo thủ tục cho ông Hoàng Văn N đi xuất khẩu lao động tại Úc, H viết chung một giấy cam kết nhận đủ số tiền 220.000.000 đồng (gồm 66.000.000 đồng ngày 26/4/2016, 66.000.000 đồng ngày 20/5/2016 và những lần khác nhưng H chưa viết giấy nhận tiền). Sau đó, H đi xuống thành phố Vinh đưa cho Th số tiền 66.000.000 đồng. Số tiền còn lại 154.000.000 đồng, H lấy 44.000.000 đồng để chi tiêu cá nhân, còn 110.000.000 đồng, H đưa cho Hồ Sỹ H2. Sau đó, Hồ Sỹ H2 đã chuyển cho Nguyễn Sông Th qua tài khoản ngân hàng trong các ngày 04/5/2016 và ngày 17/5/2016. Đến ngày 06/6/2016, bà S1 tiếp tục đưa cho H 66.000.000 đồng, gồm 44.000.000 đồng tiền cọc cho ông Hoàng Văn N và 22.000.000 đồng tiền cọc cho anh Hoàng Văn Đ1 đi xuất khẩu lao động tại Úc. Sau đó, H đưa 44.000.000 đồng cho Hồ Sỹ H2 trực tiếp đưa cho Th còn 22.000.000 đồng, H chuyển qua tài khoản ngân hàng cho Th.

Toàn bộ số tiền nhận được, Nguyễn Sông Th không sử dụng vào việc đưa người đi xuất khẩu lao động tại Úc mà sử dụng vào mục đích cá nhân. Đối với Hồ Thị Thu H, khoảng tháng 01/2017, H tiếp tục thông tin cho bà S1 về việc

làm thủ tục đi Úc thông qua hình thức đi du lịch, chi phí là 250.000.000 đồng nhưng thực chất là nhằm chiếm đoạt tài sản của bà S1. Do tin tưởng, ngày 31/8/2017, bà S1 đã chuyển cho H số tiền 40.000.000 đồng qua tài khoản ngân hàng. Số tiền này H đã sử dụng vào mục đích cá nhân, hiện không có khả năng chi trả.

Tổng số tiền mà Hồ Thị Thu H chiếm đoạt của bà S1 trong việc hứa đưa ông N đi xuất khẩu lao động Úc là 84.000.000 đồng; Nguyễn Sông Th chiếm đoạt của bà S1 số tiền là 242.000.000 đồng.

1.4. Hồ Thị Thu H dùng thủ đoạn đưa cháu Nguyễn Thị Trang Nh đi du học tại Úc, lừa đảo chiếm đoạt của bà Văn Thị Th3 số tiền 60.000.000 đồng.

Qua lời giới thiệu của bà Võ Thị S1, bà Văn Thị Th3, sinh năm 1964; trú tại khối Lam S, thị trấn Nam Đ, huyện Nam Đ, tỉnh Nghệ An đã nhờ Hồ Thị Thu H làm thủ tục cho chị Nguyễn Thị Trang Nh đi du học ở Úc với số tiền 250.000.000 đồng/suất. Hồ Thị Thu H yêu cầu bà Th3 đặt cọc trước và ngày 18/8/2016, bà Th3 đã đưa cho H số tiền 50.000.000 đồng (thông qua anh Hà Văn Đ - chồng H). Ngày 21/01/2017, theo yêu cầu của H là lấy lý do làm Visa cho chị Nh, bà Th3 tiếp tục đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt, H đã chi tiêu cá nhân hết. Đến hạn nhưng không có kết quả, bà Th3 đòi lại tiền, H mới chỉ trả được cho bà Th3 số tiền 10.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng hiện không còn khả năng chi trả.

Tổng số tiền Hồ Thị Thu H đã chiếm đoạt của chị Văn Thị Th3 là 60.000.000 đồng.

Ngày 04/11/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nam Đ trung cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An giám định chữ viết.

Kết luận giám định số 359/KL-PC09 ngày 14/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ an kết luận: Chữ viết trên “giấy cam kết” (trừ chữ viết “Đ.T.V”) đề ngày 06/1/2016 ký hiệu A1; chữ viết trên “GIẤY XÁC NHẬN” (trừ chữ viết “Đ.T.V”) đề ngày 06/1/2016 ký hiệu A2; Chữ viết trên “Giấy cam kết” (trừ chữ viết “Đ.T.V”) ký hiệu A3; chữ viết “Giấy xác nhận” (trừ chữ viết “Đ.T.V”) ký hiệu A4; chữ viết trên tờ giấy có nội dung “tôi có cầm của bà S1...Hồ Thị Thu H” (trừ chữ viết “Đ.T.V”) ký hiệu A5; chữ viết trên tờ giấy có nội dung “tôi Hồ Thị Thu H...Hồ Thị Thu H” (trừ chữ viết “Đ.T.V”) ký hiệu A6; chữ viết trên tờ giấy có nội dung “Ngày 27/3/2016...Hồ Thị Thu H” (trừ chữ viết “Đ.T.V”) ký hiệu A7; chữ viết trên tờ giấy có nội dung “Nam Đ, ngày 20/1/2017...Hồ Thị Thu H” (trừ chữ viết “Đ”, “Hà Văn Đ”, “Đ.T.V” dưới mục “chồng Đ”) ký hiệu A8; chữ viết trên “Giấy xác nhận” (trừ chữ viết “Đ”, “Hà văn Đ”, “Đ.T.V” dưới mục “chồng”) đề ngày 18/8/2016 ký hiệu A9 so với chữ viết của Hồ Thị Thu H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra.

* Về dân sự:

- Bà Võ Thị S1 yêu cầu Hồ Thị Thu H cùng Nguyễn Sông Th phải trả lại cho bà S1 số tiền là 799.000.000 đồng.

- Bà Văn Thị Th3 yêu cầu Hồ Thị Thu H trả lại cho bà Th3 số tiền 50.000.000 đồng.

Cáo trạng số 02/VKS-P2 ngày 07/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Hồ Thị Thu H về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015; truy tố bị cáo Nguyễn Sông Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 10/5/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu H 12 (Mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 07/6/2018.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Sông Th 06 (Sáu) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt tại Bản án số 58/2017/HSST của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 16 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 16/10/2018 nhưng được trừ thời hạn tù mà bị cáo đã chấp hành ở bản án trước từ ngày 27/02/2017 đến ngày 16/10/2018.

Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Hồ Thị Thu H và bị cáo Nguyễn Sông Th.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Buộc bị cáo Hồ Thị Thu H phải bồi thường cho bà Võ Thị S1 số tiền 557.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi bảy triệu đồng);

- Buộc bị cáo Hồ Thị Thu H bồi thường cho bà Văn Thị Th3 số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

- Buộc bị cáo Nguyễn Sông Th bồi thường cho bà Võ Thị S1 số tiền 242.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/5/2019, người bị hại bà Văn Thị Th3 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt đối với các bị cáo Hồ Thị Thu H, Nguyễn Sông Th.

Ngày 22/5/2019, người bị hại bà Võ Thị S1 kháng cáo Tòa án cấp phúc

thảm tăng hình phạt đối với bị cáo Hồ Thị Thu H và xác định lại tư cách tham gia tổ tụng đối với anh H Văn Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hồ Thị Thu H, Nguyễn Sông Th thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi lừa đảo của mình. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm mở lượng khoan hồng của pháp luật để không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của người bị hại để giữ nguyên mức hình phạt tù đối với các bị cáo như quyết định của bản án sơ thẩm.

Người bị hại: Bà Võ Thị S1 và bà Văn Thị Th3 đều đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử phạt nghiêm minh đối với các bị cáo và buộc các bị cáo sớm có trách nhiệm bồi thường cho bị hại. Đồng thời, bị hại bà Văn Thị Th3 còn đề nghị phải xử lý để buộc chồng bị cáo H là anh Hà Văn Đ cùng có trách nhiệm bồi thường, vì anh Đ đã cùng vợ tham gia lừa đảo, đã ký vào giấy nhận tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Sau khi kiểm tra tính có căn cứ pháp luật của bản án sơ thẩm thì đã khẳng định: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá khách quan-toàn diện về hành vi phạm tội của các bị cáo, nên đã áp dụng pháp luật xử phạt các bị cáo Hồ Thị Thu H và Nguyễn Sông Th mức hình phạt tù đã phù hợp với hành vi phạm tội của từng bị cáo; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị hại về việc đề nghị xử tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo, để giữ nguyên mức hình phạt tù của bị cáo như quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Hồ Thị Thu H: Luật sư Phạm Thị Tú Gi đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo đề nghị tăng hình phạt tù đối với các bị cáo của người bị hại, để giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm, vì bị cáo H có hoàn cảnh gia đình rất éo le, rất khó khăn và số tiền chiếm đoạt có mức độ, để giúp cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả xét hỏi tranh tụng-tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét khách quan-toàn diện các tài liệu, chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, bào chữa của Luật sư cho bị cáo H,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Hồ Thị Thu H, Nguyễn Sông Th đã thành khẩn khai nhận về hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị cáo đối với người bị hại đúng như bản án sơ thẩm đã quy kết về hành vi phạm tội của các bị cáo, cụ thể: Trong khoảng thời gian từ năm 2015 đến 2017, bằng nhiều thủ đoạn gian dối, bị cáo đã lừa của người bị hại, cụ thể: H đã chiếm đoạt được của bà Võ Thị S1 số tiền 557 triệu đồng và chiếm đoạt được của bà Văn Thị Th3

60 triệu đồng. Tổng số tiền bị cáo H đã chiếm đoạt được tất cả là 617 triệu đồng; còn bị cáo Nguyễn Sông Th thì đã lừa đảo chiếm đoạt được của bà Võ Thị S1 242 triệu đồng.

Do các bị cáo có hành vi phạm tội như nêu trên, nên đã bị Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 đối với bị cáo H và khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Th là đúng pháp luật.

Đối với nội dung kháng cáo của người bị hại đề nghị xử lý anh Hà Văn Đ (chồng bị cáo H) thì căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ pháp luật để kết luận anh Đ là đồng phạm với bị cáo H như ý kiến của người bị hại và nội dung này đã được Tòa án cấp sơ thẩm lập luận, đánh giá một cách thỏa đáng.

Xét về nội dung kháng cáo của người bị hại đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy: Sau khi vụ án bị phát hiện thì các bị cáo Hồ Thị Thu H, Nguyễn Sông Th đã thành khẩn khai báo, bị cáo H chưa có tiền án-tiền sự; còn đối với bị cáo Th thì tuy có nhân thân xấu, nhưng xét số tiền mà Th chiếm đoạt có mức độ chỉ 242 triệu đồng, nên bị cáo Th chỉ bị truy tố theo khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự; do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu H 12 năm tù và bị cáo Nguyễn Sông Th 6 năm tù là đã đánh giá đúng tính chất-mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của từng bị cáo gây ra. Vì vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để xử tăng hình phạt tù đối với các bị cáo như nội dung đơn kháng cáo của người bị hại, nên cần giữ nguyên mức hình phạt tù của các bị cáo như bản án sơ thẩm thì cũng có đủ tính nghiêm minh của pháp luật đối với các bị cáo và vẫn đảm bảo tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên và căn cứ vào các Điều 355, 356 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của người bị hại về việc đề nghị tăng mức hình phạt tù đối với các bị cáo, để giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2019/HS-ST ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tuyên bố: Các bị cáo Hồ Thị Thu H và Nguyễn Sông Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Hồ Thị Thu H 12 (mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành

hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, giam 27/6/2018.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 56 và Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Sông Th 06 (sáu) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 10 năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 582017//HS-ST ngày 16/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, buộc bị cáo Th phải chấp hành hình phạt chung cho cả 02 bản án là 16 (mười sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, giam 16/10/2018 (được trừ thời gian đã bị tạm giữ, giam trước đó từ ngày 27/2/2017 đến 16/10/2018).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (27/9/2019)

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Các bị cáo (qua trại);
- Người bị hại (theo đ/c);
- Lưu Hs, HCTP:

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hùng